

A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT, KTCB:

ÔN TẬP GHKI

Bài 2. Sử dụng bản đồ

- Phân biệt được một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lý trên bản đồ. Cụ thể phương pháp: kí hiệu, kí hiệu đường chuyển động, chấm điểm, bản đồ - biểu đồ, khoanh vùng.
- Xác định và sử dụng được GPS và một số ứng dụng của bản đồ số trong đời sống.

Bài 3. Trái đất. Thuyết kiến tạo mảng

- Trình bày được nguồn gốc hình thành của Trái Đất, đặc điểm của vỏ Trái Đất và các vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất.
- Trình bày được khái quát thuyết kiến tạo mảng.

Bài 4. Hệ quả địa lí các chuyển động chính của Trái đất

- Phân tích (kết hợp sử dụng hình vẽ, lược đồ) được hệ quả địa lí các chuyển động chính của Trái Đất: chuyển động tự quay (sự luân phiên ngày đêm, giờ trên trái đất); chuyển động quanh mặt trời (các mùa trong năm, ngày đêm dài ngắn theo vĩ độ).
- Liên hệ được thực tế địa phương về các mùa trong năm và chênh lệch thời gian ngày đêm.

Bài 5. Thạch quyển. Nội lực và tác động của nội lực đến địa hình bề mặt Trái đất

- Trình bày được khái niệm Thạch quyển, phân biệt được thạch quyển với vỏ Trái Đất.
- Trình bày được khái niệm, nguyên nhân của nội lực và tác động của nội lực đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất.
- Nhận xét và giải thích được sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa trên Trái Đất.

Bài 6. Ngoại lực và tác động của ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất

- Trình bày khái niệm, nguyên nhân của ngoại lực và tác động của ngoại lực đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất.
- Phân tích được lược đồ, sơ đồ, tranh ảnh về tác động của ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất.

Bài 7. Khí quyển và nhiệt độ không khí

- Trình bày được khái niệm khí quyển.
- Trình bày sự thay đổi nhiệt độ không khí trên bề mặt Trái Đất theo vĩ độ, lục địa, đại dương, địa hình.
- Phân tích được bảng số liệu, hình vẽ, bản đồ, lược đồ về nhiệt độ.
- Giải thích được một số hiện tượng về thời tiết và khí hậu trong thực tế.

ÔN TẬP HKI

Bài 8. Khí áp, gió và mưa

- Trình bày được sự hình thành các đai khí áp trên Trái Đất, nguyên nhân của sự thay đổi khí áp.
- Trình bày được một số loại gió chính trên Trái Đất; một số loại gió địa phương.
- Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa và trình bày được sự phân bố mưa trên thế giới.
- Phân tích được bảng số liệu, hình vẽ, bản đồ, lược đồ về khí áp, gió, mưa.

Bài 9. Đọc bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất. Phân tích biểu đồ một số kiểu khí hậu.

- Đọc được bản đồ các đới khí hậu và kiểu khí hậu trên Trái Đất.
- Phân tích được biểu đồ một số kiểu khí hậu.
- Xác định được tên các đới và kiểu khí hậu của Việt Nam và một số nước khác trên thế giới.
- Giải thích được một số hiện tượng thời tiết và khí hậu trong thực tế.

Bài 10. Thủy quyển. Nước trên lục địa

- Nêu được khái niệm thủy quyển.
- Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông.
- Trình bày được chế độ nước của một con sông cụ thể.
- Phân biệt được các loại hồ theo nguồn gốc hình thành.
- Trình bày được đặc điểm chủ yếu của nước băng tuyết và nước ngầm.
- Nêu được các giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt.

Bài 11. Nước biển và đại dương

- Trình bày được tính chất của nước biển và đại dương.
- Giải thích được hiện tượng sóng biển và thủy triều.

- Trình bày được chuyển động của các dòng biển trong đại dương.
- Nêu được vai trò của biển và đại dương đối với phát triển kinh tế - xã hội.

Bài 12. Đất và sinh quyển

- Trình bày được khái niệm về đất; phân biệt được lớp vỏ phong hóa và đất; trình bày được các nhân tố hình thành đất.
- Trình bày được khái niệm sinh quyển; phân tích được đặc điểm và giới hạn của sinh quyển, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật.

Bài 13. Thực hành: Phân tích bản đồ, sơ đồ về phân bố của đất và sinh vật trên Trái Đất

- Phân tích được sơ đồ, hình vẽ, bản đồ phân bố các nhóm đất và sinh vật trên thế giới.

Bài 14. Vỏ địa lí. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh

- Trình bày được khái niệm vỏ địa lí; phân biệt được vỏ địa lí và vỏ Trái Đất.
- Trình bày được khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí; liên hệ thực tế ở địa phương.
- Giải thích được một số hiện tượng phổ biến trong môi trường tự nhiên bằng quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí.

Bài 15. Quy luật địa đới và phi địa đới

- Trình bày được khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật địa đới và quy luật phi địa đới; liên hệ được thực tế ở địa phương.
- Giải thích được một số hiện tượng phổ biến trong môi trường tự nhiên bằng các quy luật địa lí.

B. LUYỆN TẬP:

ÔN TẬP GHKI

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1. Phương pháp kí hiệu dùng để thể hiện các đối tượng

- A. phân bố theo những điểm cụ thể.
- B. di chuyển theo các hướng bất kì.
- C. phân bố phân tán, lẻ tẻ, rời rạc.
- D. tập trung thành vùng rộng lớn.

Câu 2. Đối tượng nào sau đây được biểu hiện bằng phương pháp kí hiệu?

- A. Hướng gió.
- B. Dòng biển.
- C. Hải cảng.
- D. Luồng di dân.

Câu 3. Phương pháp đường chuyển động dùng để thể hiện các đối tượng

- A. phân bố phân tán, lẻ tẻ, rời rạc.
- B. tập trung thành vùng rộng lớn.
- C. phân bố theo những điểm cụ thể.
- D. di chuyển theo các hướng bất kì.

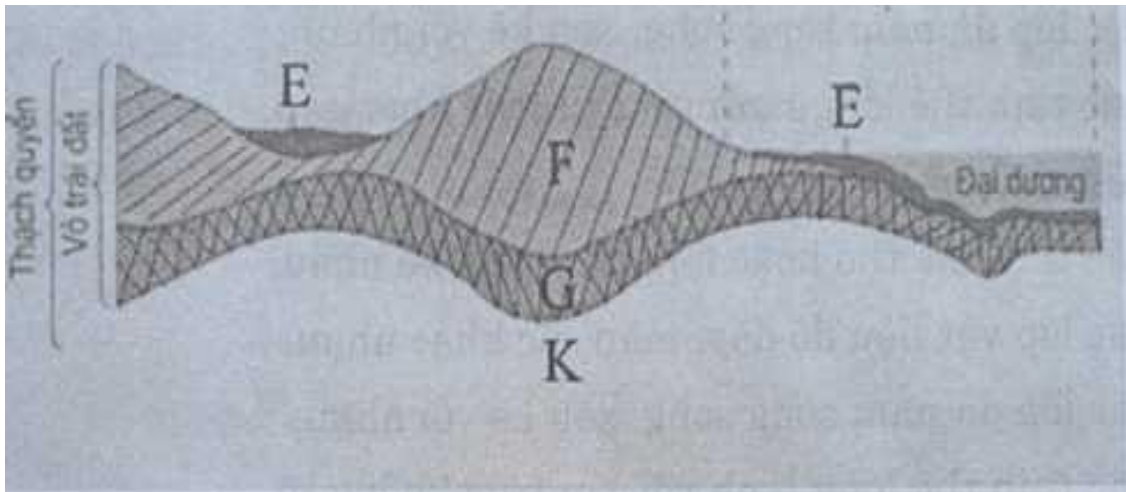
Câu 4. Dòng biển thường được biểu hiện bằng phương pháp

- A. đường chuyển động.
- B. kí hiệu.
- C. chấm điểm.
- D. bản đồ - biểu đồ.

Câu 5. Trị giá xuất khẩu và nhập khẩu của các tỉnh Việt Nam trong cùng một thời gian, thường được thể hiện bằng phương pháp

- A. kí hiệu theo đường.
- B. bản đồ - biểu đồ.
- C. chấm điểm.
- D. đường chuyển động.

Câu 6. Theo Hình:



Hình 1. Vỏ Trái Đất. Thạch quyển

Kí hiệu E dùng để chỉ

- A. tầng đá trầm tích.
- B. tầng đá badan.
- C. tầng đá granit.
- D. phần trên của lớp Man-ti.

Câu 7. Thạch quyển được hợp thành bởi lớp vỏ Trái Đất và

- A. phần trên của lớp Man-ti.
- B. phần dưới của lớp Man-ti.
- C. nhân ngoài của Trái Đất.
- D. nhân trong của Trái Đất.

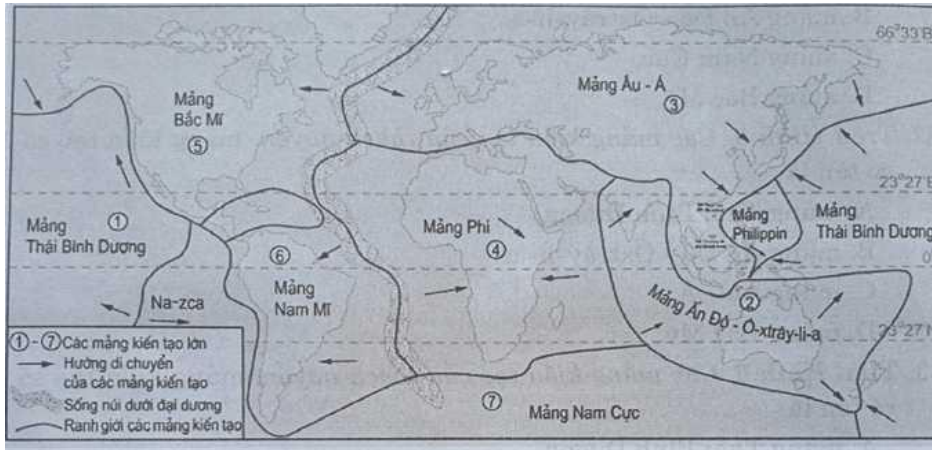
Câu 8. Đá biến chất được hình thành

- A. từ dưới sâu nóng chảy, trào lên mặt đất nguội đi.
- B. ở nơi trũng do sự lắng tụ và nén chặt các vật liệu.
- C. từ trầm tích bị thay đổi tính chất do nhiệt độ cao.
- D. từ khối mac ma nóng chảy dưới mặt đất trào lên.

Câu 9. Đá trầm tích được hình thành

- A. từ dưới sâu nóng chảy, trào lên mặt đất nguội đi.
- B. ở nơi trũng do sự lắng tụ và nén chặt các vật liệu.
- C. từ trầm tích bị thay đổi tính chất do nhiệt độ cao.
- D. từ đá biến chất bị thay đổi tính chất do sức nén lớn.

Câu 10. Theo Hình:



Hình 2. Các mảng kiến tạo của thạch quyển

Mảng kiến tạo số 7 có tên là

- A. mảng Thái Bình Dương.
- B. mảng Ấn Độ - Ô-xtrây-li-a.
- C. mảng Nam Cực.
- D. mảng Nam Mỹ.

Câu 11. Trên Trái Đất có ngày và đêm là nhờ vào

- A. Trái Đất hình khối cầu tự quay quanh trục và được Mặt Trời chiếu sáng.
- B. Trái Đất hình khối cầu quay quanh Mặt Trời và được Mặt Trời chiếu sáng.
- C. Trái Đất được chiếu sáng toàn bộ và có hình khối cầu tự quay quanh trục.
- D. Trái Đất được Mặt Trời chiếu sáng và luôn tự quay xung quanh Mặt Trời.

Câu 12. Hiện tượng nào sau đây là hệ quả chuyển động xung quanh Mặt Trời của Trái Đất?

- A. Sự luân phiên ngày đêm trên Trái Đất.
- B. Giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày.
- C. Chuyển động các vật thể bị lệch hướng.
- D. Thời tiết các mùa trong năm khác nhau.

Câu 13. Hiện tượng nào sau đây là hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất?

- A. Sự lệch hướng chuyển động của các vật thể.
- B. Chuyển động biểu kiến năm của Mặt Trời.
- C. Ngày đêm dài ngắn theo mùa và theo vĩ độ.
- D. Các mùa trong năm có khí hậu khác nhau.

Câu 14. Chuyển động xung quanh Mặt Trời của Trái Đất đã gây ra hệ quả nào sau đây?

- A. Sự luân phiên ngày đêm trên Trái Đất.
- B. Giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày.
- C. Chuyển động các vật thể bị lệch hướng.
- D. Thời tiết các mùa trong năm khác nhau.

Câu 15. Giờ Mặt Trời còn được gọi là giờ

- A. địa phương.
- B. khu vực.
- C. múi.
- D. GMT.

Câu 16. Mỗi múi giờ rộng

- A. 11 độ kinh tuyến.
- B. 13 độ kinh tuyến.
- C. 15 độ kinh tuyến.
- D. 18 độ kinh tuyến.

Câu 17. Theo cách tính giờ múi, trên Trái Đất lúc nào cũng có một múi giờ mà ở đó có hai ngày lịch khác nhau, nên phải chọn một đối tượng làm mốc để đổi ngày. Đối tượng đó là

- A. bán cầu Đông.
- B. kinh tuyến 180 độ.
- C. kinh tuyến 0 độ.
- D. bán cầu Tây.

Câu 18. Trên thực tế, ranh giới múi giờ thường được quy định theo

- A. biên giới quốc gia.
- B. vị trí của thủ đô.
- C. kinh tuyến giữa.
- D. điểm cực đông.

Câu 19. Phát biểu nào sau đây đúng với hiện tượng mùa trên Trái Đất?

- A. Mùa là một phần thời gian của năm.
- B. Đặc điểm khí hậu các mùa giống nhau.
- C. Trái Đất quay quanh Mặt Trời gây ra.
- D. Các mùa có lượng bức xạ khác nhau.

- Câu 20.** Nơi nào sau đây trong năm luôn có thời gian ngày và đêm dài bằng nhau?
A. Chí tuyến. **B.** Vòng cực. **C.** Cực. **D.** Xích đạo.
- Câu 21.** Nơi nào sau đây trong năm có hiện tượng đêm dài suốt 24 giờ?
A. Xích đạo. **B.** Chí tuyến Bắc. **C.** Chí tuyến Nam. **D.** Vòng cực.
- Câu 22.** Thạch quyển gồm
A. vỏ Trái Đất và phần trên cùng của lớp Man-ti. **B.** phần trên cùng của lớp Man-ti và đá trầm tích.
C. đá badan và phần ở trên cùng của lớp Man-ti. **D.** phần trên cùng của lớp Man-ti và đá biến chất.
- Câu 23.** Thạch quyển
A. là nơi tích tụ nguồn năng lượng bên trong. **B.** là nơi hình thành các địa hình khác nhau.
C. di chuyển trên quyển mềm của bao Man-ti. **D.** đứng yên trên quyển mềm của bao Man-ti.
- Câu 24.** Nội lực là lực phát sinh từ
A. bên trong Trái Đất. **B.** bên ngoài Trái Đất. **C.** bức xạ của Mặt Trời. **D.** nhân của Trái Đất.
- Câu 25.** Các lớp đá bị đứt gãy trong điều kiện vận động kiến tạo theo phương
A. ngang ở vùng đá cứng. **B.** ngang ở vùng đá mềm.
C. đứng ở vùng đá mềm. **D.** đứng ở vùng đá cứng.
- Câu 26.** Ngoại lực có nguồn gốc từ
A. bên trong Trái Đất. **B.** lực hút của Trái Đất. **C.** bức xạ của Mặt Trời. **D.** nhân của Trái Đất.
- Câu 27.** Nguồn năng lượng sinh ra ngoại lực chủ yếu là của
A. sự phân huỷ các chất phóng xạ. **B.** sự dịch chuyển các dòng vật chất.
C. các phản ứng hoá học khác nhau. **D.** bức xạ từ Mặt Trời đến Trái Đất.
- Câu 28.** Các quá trình ngoại lực bao gồm
A. phong hoá, nâng lên, vận chuyển, bồi tụ. **B.** phong hoá, bóc mòn, vận chuyển, bồi tụ.
C. phong hoá, hạ xuống, vận chuyển, bồi tụ. **D.** phong hoá, uốn nếp, vận chuyển, bồi tụ.
- Câu 29.** Quá trình phong hoá xảy ra là do tác động của sự thay đổi
A. nhiệt độ, nước, sinh vật. **B.** sinh vật, nhiệt độ, đất.
C. đất, nhiệt độ, địa hình. **D.** địa hình, nước, khí hậu.
- Câu 30.** Cường độ phong hoá xảy ra mạnh nhất ở
A. bề mặt Trái Đất. **B.** tầng khí đối lưu. **C.** ở thềm lục địa. **D.** lớp Man-ti trên.
- Câu 31.** Dạng địa hình nào sau đây được xem là kết quả của quá trình phong hoá hoá học là chủ yếu?
A. Bậc thềm sóng vỗ. **B.** Bán hoang mạc. **C.** Hang động đá vôi. **D.** Địa hình phi-o.
- Câu 32.** Bóc mòn là quá trình
A. chuyển dời các vật liệu khỏi vị trí của nó. **B.** di chuyển vật liệu từ nơi này đến nơi khác.
C. tích tụ (tích lũy) các vật liệu đã bị phá huỷ. **D.** phá huỷ và làm biến đổi tính chất vật liệu.
- Câu 33.** Vận chuyển là quá trình
A. chuyển dời các vật liệu khỏi vị trí của nó. **B.** di chuyển vật liệu từ nơi này đến nơi khác.
C. tích tụ (tích lũy) các vật liệu đã bị phá huỷ. **D.** phá huỷ và làm biến đổi tính chất vật liệu.
- Câu 34.** Bồi tụ là quá trình
A. chuyển dời các vật liệu khỏi vị trí của nó. **B.** di chuyển vật liệu từ nơi này đến nơi khác.
C. tích tụ (tích lũy) các vật liệu đã bị phá huỷ. **D.** phá huỷ và làm biến đổi tính chất vật liệu.
- Câu 35.** Từ xích đạo về cực là các khối khí lần lượt là
A. Xích đạo, chí tuyến, ôn đới, cực. **B.** Xích đạo, ôn đới, chí tuyến, cực.
C. Xích đạo, cực, ôn đới, chí tuyến. **D.** Xích đạo, chí tuyến, cực, ôn đới.
- Câu 36.** Dải hội tụ nhiệt đới được hình thành ở nơi tiếp xúc của hai khối khí
A. đều là nóng ẩm, có hướng gió ngược nhau. **B.** có tính chất vật lí và hướng khác biệt nhau.
C. cùng hướng gió và cùng tính chất lạnh khô. **D.** có tính chất lạnh ẩm và hướng ngược nhau.
- Câu 37.** Nguồn bức xạ từ Mặt Trời đến Trái Đất phần lớn được
A. bề mặt Trái Đất hấp thụ. **B.** phản hồi vào không gian.
C. các tầng khí quyển hấp thụ. **D.** phản hồi vào băng tuyết.
- Câu 38.** Không khí ở tầng đối lưu bị đốt nóng chủ yếu do nhiệt của
A. bức xạ mặt trời. **B.** bức xạ mặt đất. **C.** lớp vỏ Trái Đất. **D.** lớp Man-ti trên.
- Câu 39.** Nhiệt lượng do Mặt Trời mang đến bề mặt Trái Đất luôn thay đổi theo
A. góc chiếu của tia bức xạ mặt trời. **B.** thay đổi tính chất của bề mặt đệm.
C. thời gian bề mặt đất nhận được. **D.** chiều dày của các tầng khí quyển.

Câu 40. Theo bảng số liệu: Biến trình nhiệt độ không khí trên đại dương và lục địa (Đơn vị: °C)

Biến trình đại dương, đảo Hêbrit (57°32 B)			Biến trình lục địa, Kirren (57°47 B)		
Tháng lạnh nhất	Tháng nóng nhất	Biên độ	Tháng lạnh nhất	Tháng nóng nhất	Biên độ
3 (5°C)	8 (12,8°C)	7,8°C	1 (-27,3°C)	7 (18,6°C)	45,9°C

Nhận xét nào sau đây đúng về biến trình nhiệt độ không khí trên đại dương và lục địa?

- A. Đại dương có biên độ nhiệt độ năm cao hơn lục địa.
- B. Đại dương có trị số tháng lạnh nhất cao hơn lục địa.
- C. Đại dương có trị số tháng nóng nhất cao hơn lục địa.
- D. Nhiệt độ cao nhất, thấp nhất ở đại dương lớn hơn lục địa.

ÔN TẬP HKI

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1. Dải hội tụ nhiệt đới được hình thành ở nơi tiếp xúc của hai khối khí

- A. đều là nóng ẩm, có hướng gió ngược nhau.
- B. có tính chất vật lý và hướng khác biệt nhau.
- C. cùng hướng gió và cùng tính chất lạnh khô.
- D. có tính chất lạnh ẩm và hướng ngược nhau.

Câu 2. Nguồn bức xạ từ Mặt Trời đến Trái Đất phần lớn được

- A. bề mặt Trái Đất hấp thụ.
- B. phản hồi vào không gian.
- C. các tầng khí quyển hấp thụ.
- D. phản hồi vào băng tuyết.

Câu 3. Không khí ở tầng đối lưu bị đốt nóng chủ yếu do nhiệt của

- A. bức xạ mặt trời.
- B. bức xạ mặt đất.
- C. lớp vỏ Trái Đất.
- D. lớp Man-ti trên.

Câu 4. Nhiệt lượng do Mặt Trời mang đến bề mặt Trái Đất luôn thay đổi theo

- A. góc chiếu của tia bức xạ mặt trời.
- B. thay đổi tính chất của bề mặt đệm.
- C. thời gian bề mặt đất nhận được.
- D. chiều dày của các tầng khí quyển.

Câu 5. Theo bảng số liệu: Biến trình nhiệt độ không khí trên đại dương và lục địa (Đơn vị: °C)

Biến trình đại dương, đảo Hêbrit (57°32 B)			Biến trình lục địa, Kirren (57°47 B)		
Tháng lạnh nhất	Tháng nóng nhất	Biên độ	Tháng lạnh nhất	Tháng nóng nhất	Biên độ
3 (5°C)	8 (12,8°C)	7,8°C	1 (-27,3°C)	7 (18,6°C)	45,9°C

Nhận xét nào sau đây đúng về biến trình nhiệt độ không khí trên đại dương và lục địa?

- A. Đại dương có biên độ nhiệt độ năm cao hơn lục địa.
- B. Đại dương có trị số tháng lạnh nhất cao hơn lục địa.
- C. Đại dương có trị số tháng nóng nhất cao hơn lục địa.
- D. Nhiệt độ cao nhất, thấp nhất ở đại dương lớn hơn lục địa.

Câu 6. Các vành đai khí áp nào sau đây là áp thấp?

- A. Xích đạo, chí tuyến.
- B. Chí tuyến, ôn đới.
- C. Ôn đới, xích đạo.
- D. Cực, chí tuyến.

Câu 7. Khí áp tăng khi

- A. nhiệt độ giảm.
- B. nhiệt độ tăng.
- C. độ cao tăng.
- D. khô hạn giảm.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây đúng với sự thay đổi của khí áp?

- A. Không khí càng loãng, khí áp giảm.
- B. Độ ẩm tuyệt đối lên cao, khí áp tăng.
- C. Tỷ trọng không khí giảm, khí áp tăng.
- D. Không khí càng khô, khí áp giảm.

Câu 9. Tính chất của gió Mậu dịch là

- A. nóng ẩm.
- B. khô.
- C. lạnh khô.
- D. ẩm.

Câu 10. Đặc điểm của gió mùa là

- A. hướng gió thay đổi theo mùa.
- B. tính chất không đổi theo mùa.
- C. nhiệt độ các mùa giống nhau.
- D. độ ẩm các mùa tương tự nhau.

Câu 11. Các loại gió nào sau đây có phạm vi địa phương?

- A. Gió Tây ôn đới, gió phơn.
- B. Gió Đông cực; gió đất, biển.
- C. Gió đất, biển; gió phơn.
- D. Gió Mậu dịch; gió mùa.

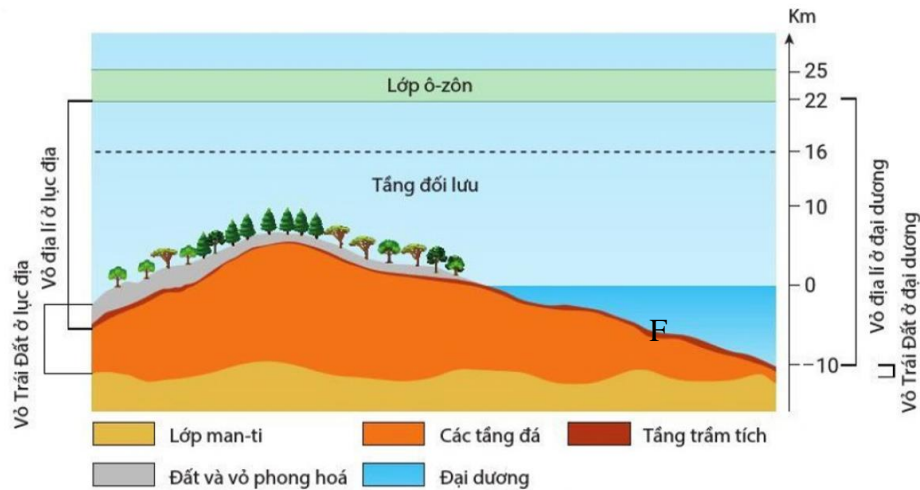
Câu 12. Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa là

- A. khí áp, frông, gió, địa hình, thổ nhưỡng.
- B. khí áp, frông, gió, dòng biển, địa hình.
- C. khí áp, frông, gió, địa hình, sông ngòi.
- D. khí áp, frông, gió, dòng biển, sinh vật.

Câu 13. Các khu khí áp thấp có nhiều mưa là do

- A. Luôn có gió từ trung tâm thổi đi.
- B. Luôn có gió quanh rìa thổi ra ngoài.

- Câu 33.** Ở vùng chí tuyến, bờ tây lục địa có khí hậu
A. ẩm, mưa nhiều. **B.** khô, ít mưa. **C.** lạnh, ít mưa. **D.** nóng, mưa nhiều.
- Câu 34.** Nơi nào sau đây có khí hậu ẩm, mưa nhiều?
A. Bờ đông đại dương ở vùng ôn đới. **B.** Bờ tây đại dương ở vùng ôn đới.
C. Bờ tây lục địa ở vùng chí tuyến. **D.** Bờ đông lục địa ở vùng ôn đới.
- Câu 35.** Đất (thổ nhưỡng) là lớp vật chất
A. tơi xốp ở bề mặt lục địa. **B.** rắn ở bề mặt vỏ Trái Đất.
C. mềm bở ở bề mặt lục địa. **D.** vụn ở bề mặt vỏ Trái Đất.
- Câu 37.** Độ phì của đất là khả năng cung cấp nước, nhiệt, khí và các chất dinh dưỡng cần thiết cho
A. sinh vật. **B.** động vật. **C.** thực vật. **D.** vi sinh vật.
- Câu 37.** Nhân tố nào sau đây có tác động đến việc tạo nên thành phần vô cơ cho đất?
A. Khí hậu. **B.** Sinh vật. **C.** Địa hình. **D.** Đá mẹ.
- Câu 38.** Sinh quyển là một quyển của Trái Đất có
A. toàn bộ sinh vật sinh sống. **B.** tất cả sinh vật và thổ nhưỡng.
C. toàn bộ động vật và vi sinh vật. **D.** toàn bộ thực vật và vi sinh vật.
- Câu 39.** Phát biểu nào sau đây đúng nhất với sinh quyển?
A. Thực vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.
B. Sinh vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.
C. Động vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.
D. Vi sinh vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.
- Câu 40.** Khoảng vài chục mét ở phía trên bề mặt đất là có thực vật sinh sống, do có
A. ánh sáng, khí, nước, chất dinh dưỡng. **B.** ánh sáng, khí, nguồn nước, nhiệt độ.
C. chất dinh dưỡng, không khí và nước. **D.** chất dinh dưỡng, nước và ánh sáng.
- Câu 41.** Yếu tố nào sau đây **không** có tác động trực tiếp tới sự phát triển và phân bố sinh vật?
A. Khí hậu. **B.** Con người. **C.** Địa hình. **D.** Đá mẹ.
- Câu 42.** Kiểu thảm thực vật nào sau đây thuộc vào môi trường đới lạnh?
A. Đài nguyên. **B.** Rừng lá kim. **C.** Thảo nguyên. **D.** Rừng lá rộng.
- Câu 43.** Nhóm đất feralit đỏ vàng phân bố ở khu vực có kiểu khí hậu
A. nhiệt đới gió mùa. **B.** cận nhiệt lục địa. **C.** nhiệt đới lục địa. **D.** cận nhiệt gió mùa.
- Câu 44.** Lớp vỏ địa lí là
A. vỏ cảnh quan. **B.** Trái Đất. **C.** vỏ thạch quyển. **D.** vỏ khí quyển.
- Câu 45.** Vỏ địa lí là vỏ
A. của Trái Đất, ở đó có sự xâm nhập và tác động lẫn nhau của các quyển.
B. của Trái Đất, ở đó có khí quyển, thạch quyển, thủy quyển, sinh quyển.
C. cảnh quan, ở đó có các lớp vỏ bộ phận, quan trọng nhất là sinh quyển.
D. vỏ cảnh quan, ở đó có khí quyển, thạch quyển, thủy quyển, sinh quyển.
- Câu 46.** Các thành phần tự nhiên trong vỏ địa lí có mối quan hệ chặt chẽ với nhau chủ yếu do
A. phân bố ở trên cùng một lớp vỏ của Trái Đất. **B.** đều chịu tác động của nội lực và ngoại lực.
C. luôn chịu tác động của năng lượng mặt trời. **D.** có các thành phần chịu ảnh hưởng kiến tạo.
- Câu 47.** Theo hình:



Hình 14.1. Vỏ địa lí của Trái Đất

Kí hiệu F dùng để chỉ

- A. đất và vỏ phong hoá. B. tầng trầm tích. C. tầng granit. D. tầng badan.

Câu 48. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí là quy luật về

- A. mối quan hệ lẫn nhau giữa các bộ phận tự nhiên. B. sự thay đổi các thành phần tự nhiên hướng vĩ độ. C. sự thay đổi các thành phần tự nhiên theo kinh độ. D. mối quan hệ lẫn nhau giữa con người và tự nhiên.

Câu 49. Nằm giữa hai đường đẳng nhiệt năm $+20^{\circ}\text{C}$ của hai bán cầu là vòng đai

- A. nóng. B. ôn hòa. C. lạnh. D. băng giá vĩnh cửu.

Câu 50. Biểu hiện rõ nhất của quy luật đai cao là sự phân bố theo độ cao của

- A. đất và thực vật. B. thực và động vật. C. động vật và đất. D. đất và vi sinh vật.

PHẦN II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI

ÔN TẬP GHKI

Câu 1. Ý kiến nào sau đây đúng, ý kiến nào sai khi bàn về phương pháp thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ?

Ý kiến	Đúng	Sai
a. Biểu hiện dòng biển bằng phương pháp chấm điểm.		
b. Biểu hiện các đới khí hậu bằng phương pháp khoanh vùng.		
c. Biểu hiện cơ cấu dân số bằng phương pháp bản đồ - biểu đồ.		
d. Biểu hiện sự phân bố dân cư bằng phương pháp đường chuyển động.		

Câu 2. Cho đoạn thông tin sau

Không phải lúc nào cứ hướng phía trên của tờ bản đồ cũng đều là hướng bắc (mặc dù có nhiều bản đồ, hướng bắc trùng với hướng phía trên của tờ bản đồ). Để xác định hướng bắc của tờ bản đồ, phải dựa vào các đường kinh tuyến.

Ý kiến	Đúng	Sai
a. Hướng trên bản đồ lúc nào cũng là hướng Bắc.		
b. Xác định hướng Bắc của tờ bản đồ dựa vào vĩ tuyến.		
c. Để xác định hướng trên bản đồ có thể dựa vào mạng lưới kinh vĩ tuyến.		
d. Xác định hướng Bắc-Nam-Đông-Tây trong đời sống có thể dựa vào hướng mặt trời mọc.		

Câu 3. Ý kiến nào sau đây đúng, ý kiến nào sai khi bàn về cấu trúc của các loại đá mac-ma, trầm tích, biến chất?

Ý kiến	Đúng	Sai
a. Đá mac-ma có các lớp vật liệu dày, mỏng với màu sắc khác nhau, nằm song song hoặc xen kẽ nhau.		
b. Đá biến chất có các tinh thể có màu sắc khác nhau.		
c. Đá trầm tích có các lớp vật liệu dày, mỏng với màu sắc khác nhau, nằm song song hoặc xen kẽ nhau.		
d. Đá mac-ma có các tinh thể thô hoặc mịn nằm xen kẽ nhau.		

Câu 4. Cho câu tục ngữ sau

Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng
Ngày tháng mười chưa cười đã tối

Ý kiến	Đúng	Sai
a. Nước ta nằm ở Bán Cầu Bắc.		
b. Ở xích đạo có hiện tượng ngày dài đêm ngắn theo mùa		
c. Tháng mười ngày ngắn hơn đêm vì Mặt Trời gần bán cầu Nam.		
d. Câu tục ngữ là hệ quả chuyển động xung quanh Mặt Trời của Trái Đất.		

Câu 5. Ý kiến nào sau đây đúng, ý kiến nào sai khi bàn về giờ trên Trái Đất?

Ý kiến	Đúng	Sai
a. Nếu đi từ phía tây sang phía đông qua kinh tuyến 180° sẽ lùi lại một ngày lịch để phù hợp với thời gian nơi đến.		
b. Nếu đi từ phía tây sang phía đông qua kinh tuyến 180° sẽ tăng thêm một ngày lịch để phù hợp với thời gian nơi đến.		
c. Kinh tuyến 180° đi qua giữa khu vực giờ số 12 được lấy làm đường chuyển ngày quốc tế.		
d. Các địa điểm ở trên cùng một vĩ tuyến có chung một giờ địa phương.		

Câu 6. Ý kiến nào sau đây đúng, ý kiến nào sai khi bàn về hoạt động của nội lực?

Ý kiến	Đúng	Sai
a) Nội lực tạo ra các vận động kiến tạo, làm thay đổi địa hình.		
b) Nội lực là lực sinh ra bên trong Trái Đất.		
c) Vận động nội lực theo phương thẳng đứng gây ra hiện tượng uốn nếp, đứt gãy.		
d) Vận động nội lực theo phương nằm ngang gây ra hiện tượng biến tiến và biến thoái.		

Câu 7. Cho thông tin sau

Uốn nếp và đứt gãy đều là hoạt động của nội lực, được sinh ra do tác động của những lực bên trong lòng Trái Đất.

Ý kiến	Đúng	Sai
a. Nội lực là lực phát sinh bên ngoài Trái Đất.		
b. Uốn nếp là hiện tượng đá bị uốn thành nếp.		
c. Đứt gãy xảy ra ở những vùng đá mềm, dẻo.		
d. Xu hướng của nội lực là san bằng bề mặt Trái Đất.		

Câu 8. Cho đoạn thông tin sau:

Ngoại lực có xu hướng bóc mòn những nơi cao, dốc và bồi tụ ở những nơi thấp, thoải trên bề mặt Trái Đất. Địa hình do ngoại lực tạo thành rất đa dạng và phổ biến trên Trái Đất.

Ý kiến	Đúng	Sai
a. Ngoại lực là lực sinh ra chủ yếu do năng lượng bức xạ Mặt trời.		
b. Hệ thống núi Himalaya được hình thành do ngoại lực.		
c. Các tác động ngoại lực diễn ra độc lập, tách biệt với các tác động nội lực.		
d. Dạng địa hình các-xto là một trong những biểu hiện điển hình của tác động ngoại lực trên bề mặt Trái Đất.		

Câu 9. Ý kiến nào sau đây đúng, ý kiến nào sai khi bàn về hoạt động ngoại lực?

Ý kiến	Đúng	Sai
a. Ngoại lực tạo ra các vận động kiến tạo, làm thay đổi địa hình.		
b. Ngoại lực là lực sinh ra bên trong Trái Đất.		
c. Phong hoá hoá học làm thay đổi thành phần, tính chất của đá.		
d. Phong hoá vật lý làm vỡ đá nhưng không thay đổi thành phần và tính chất của đá.		

ÔN TẬP HKI

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ ở bán cầu Nam (Đơn vị: °C)

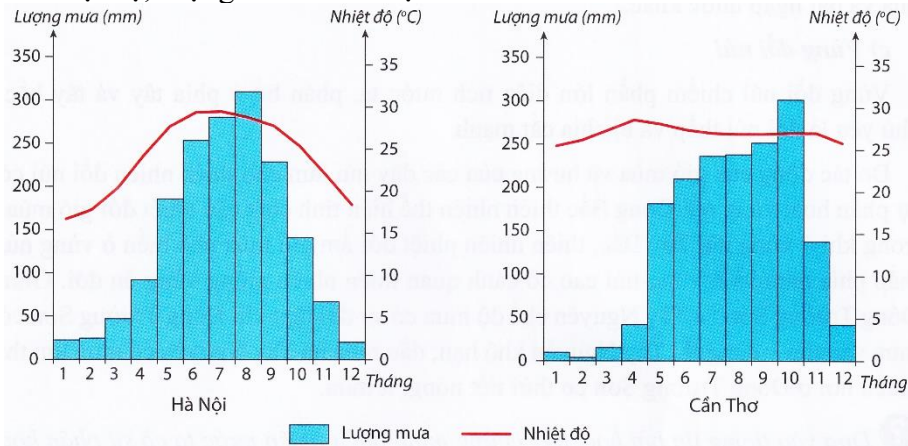
Vĩ độ	0°	20°	30°	40°	50°	60°	70°	80°

Nhiệt độ trung bình năm	24,5	24,7	19,3	10,4	5,0	2,0	-10,2	-50,0
Biên độ nhiệt độ năm	1,8	5,9	7,0	4,9	4,3	11,8	19,5	28,7

Theo bảng số liệu trên nhận định nào sau đây là đúng, nhận định nào là sai?

- Nhiệt độ trung bình năm giảm liên tục từ xích đạo về cực.
- Khu vực chí tuyến có nhiệt độ trung bình năm cao nhất.
- Biên độ nhiệt độ năm tăng từ xích đạo về cực.
- Biên độ nhiệt độ năm thay đổi theo vĩ độ do góc nhập xạ giảm từ xích đạo về cực.

Câu 2. Cho biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa ở Hà Nội và Cần Thơ:



Theo biểu đồ trên nhận định nào sau đây là đúng, nhận định nào là sai?

- Hà Nội có biên độ nhiệt nhỏ hơn Cần Thơ.
- Cần Thơ có mùa khô sâu sắc hơn Hà Nội.
- Hà Nội có một số tháng nhiệt độ dưới 20°C là do ảnh hưởng của gió Tín phong bán cầu Bắc.
- Hà Nội có mùa khô ít sâu sắc hơn là do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc vào cuối mùa đông.

Câu 3. Trong các câu sau, câu nào đúng, câu nào sai?

- Sông được cấp nước từ hai nguồn chính: nước mưa và nước băng tuyết tan.
- Chế độ nước sông đơn giản hay phức tạp là do số lượng nguồn cấp quyết định.
- Hồ đầm và thực vật có tác dụng điều tiết dòng chảy.
- Sông có nhiều phụ lưu, nước lũ thoát nhanh, chế độ nước sông bớt phức tạp hơn.

Câu 4. Ý kiến nào sau đây đúng, ý kiến nào sai khi bàn về dòng biển trong các đại dương thế giới?

- Chuyển động của dòng biển tạo thành những vòng tuần hoàn trên các đại dương.
- Hai bên xích đạo, các dòng biển chảy từ phía đông về phía tây, khi gặp bờ đông các lục địa bị chuyển hướng.
- Ở khoảng vĩ độ $30-40^{\circ}$ trên cả hai bán cầu, các dòng biển chảy về phía tây, khi gặp bờ đông các lục địa bị đổi hướng.
- Ở vùng vĩ độ cao của bán cầu Nam, dòng biển có hướng ổn định từ tây sang đông, trong khi ở vùng vĩ độ cao của bán cầu Bắc, các dòng biển chuyển động rất phức tạp.

Câu 5. Nhận định nào sau đây Đúng, nhận định nào Sai về quá trình hình thành đất?

- Đá mẹ là nhân tố khởi đầu của quá trình hình thành đất.
- Tính chất của đất không bị ảnh hưởng bởi tính chất của đá mẹ.
- Địa hình có tác động chủ yếu đến quá trình phân phối lại lượng nhiệt, ẩm, tích tụ vật liệu.
- Khí hậu tác động đến phong hóa đá, địa hình và sinh vật.

Câu 6. Ý kiến nào sau đây đúng, ý kiến nào sai khi bàn về sinh quyển trên Trái Đất?

- Giới hạn của sinh quyển phụ thuộc vào sự tồn tại của sự sống.
- Sinh quyển gồm tầng đối lưu của khí quyển, toàn bộ thủy quyển và phần trên của thạch quyển.
- Khối lượng của sinh quyển lớn nhất so với khối lượng vật chất của các quyển còn lại trong vỏ Trái Đất.
- Sinh vật thường tập trung nhiều ở khoảng vài chục mét ở phía trên và dưới bề mặt đất, nơi có điều kiện thuận lợi nhất cho sự phát triển thực vật, động vật và vi sinh vật.

Câu 7. Với quy luật về sự thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí, khi tiến hành các hoạt động khai thác tự nhiên trong lớp vỏ địa lí cần hết sức chú ý

Cho biết nhận định nào sau đây đúng, nhận định nào sai?

- mỗi thành phần của lớp vỏ địa lí là một bộ phận riêng biệt, cần được bảo vệ riêng từng thành phần.
- khi một thành phần thay đổi sẽ kéo theo sự thay đổi của các thành phần khác và toàn bộ lãnh thổ.

- c) để đạt hiệu quả cao, cần tác động vào các thành phần của lớp vỏ địa lí cùng một lúc.
 d) chặt phá rừng bừa bãi không chỉ ảnh hưởng đến sinh quyển mà còn ảnh hưởng đến các quyển khác của lớp vỏ địa lí.

Câu 8. Cho thông tin sau:

Miền Bắc nước ta nằm trong vùng nhiệt đới nhưng lại có một mùa đông lạnh do miền Bắc chịu ảnh hưởng mạnh của gió mùa Đông Bắc - nhân tố phi địa đới làm cho nhiệt độ hạ thấp vào mùa đông.

Cho biết nhận định nào sau đây đúng, nhận định nào sai?

- a) Miền Bắc nằm trong đới khí hậu nhiệt đới.
 b) Mọi nơi ở miền Bắc có hai lần mặt trời lên thiên đỉnh.
 c) Mùa đông lạnh ở miền Bắc là do gió Mậu Dịch.
 d) Thiên nhiên miền Bắc chịu chi phối bởi hai quy luật địa đới và phi địa đới.

PHẦN III: TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1. Biết rằng bản đồ có tỉ lệ là 1 : 3 000 000. Hãy cho biết 1 cm trên bản đồ tương ứng với bao nhiêu km ngoài thực địa. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của km)

Câu 2. Khi Luân Đôn là 0 giờ ngày 20 - 11 - 2021 thì Xơ-un (Hàn Quốc) là mấy giờ? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của h)

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình tháng tại Lạng Sơn năm 2021 (đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	13,7	18,7	22,1	24,5	26,7	26,2	25,8	26,0	24,7	21,8	19,0	15,6

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính biên độ nhiệt năm tại Lạng Sơn (làm tròn đến hàng đơn vị của °C)

Câu 4. Dựa vào bảng số liệu sau:

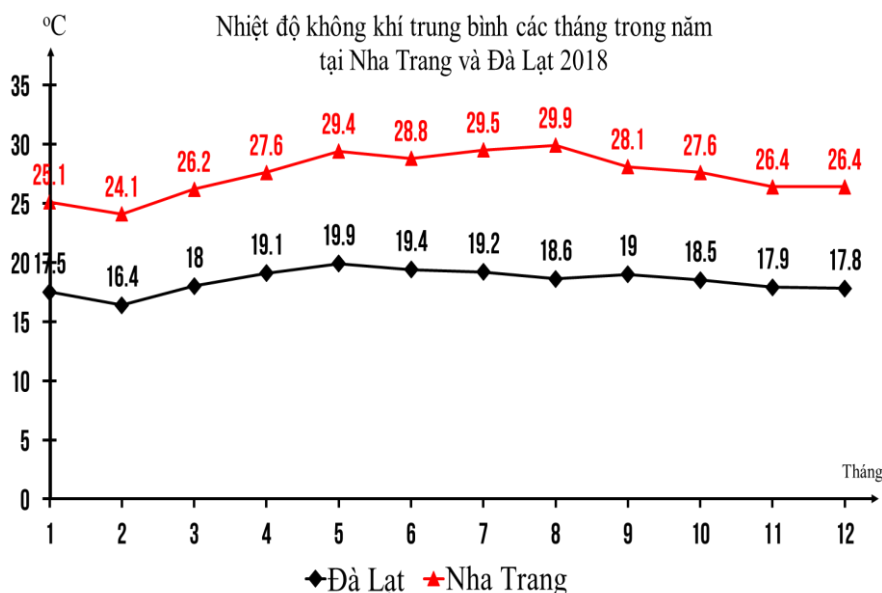
Nhiệt độ trung bình tháng I và tháng VII của Hà Nội và TP Hồ Chí Minh.

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình tháng I (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng VII (°C)
Hà Nội	16,4	28,9
TP. Hồ Chí Minh	25,8	27,1

Căn cứ bảng số liệu trên, hãy tính biên độ nhiệt năm của Hà Nội. (làm tròn đến hàng đơn vị của °C)

Câu 5. Tại độ cao 1000m trên dãy núi Cap-ca có nhiệt độ là 34°C, cùng thời điểm này nhiệt độ ở cùng sườn đón gió trên độ cao 2500m là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của °C).

Câu 6. Cho biểu đồ



(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2018, <https://www.gso.gov.vn>)

Nhiệt độ trung bình năm tại Nha Trang là bao nhiêu? (làm tròn kết quả đến hàng số thập phân thứ nhất của °C).

Câu 7. Cho bảng số liệu: **Lượng mưa các tháng tại Huế năm 2021**

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	190,3	61,1	112,4	68,6	1,7	32,0	27,0	52,6	535,6	1438,3	825,9	490,5

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2020, NXB thống kê Việt Nam, 2021)

Tính tổng lượng mưa năm tại Huế là bao nhiêu mm? (làm tròn kết quả đến hàng số thập phân thứ nhất của mm).

Câu 8. Cho bảng số liệu: Lưu lượng nước trung bình tháng của sông Hồng tại Hà Nội

(Đơn vị: m^3/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	1040	885	765	889	480	3510	5590	6660	4990	3100	2199	1370

Căn cứ vào bảng số liệu trên, đỉnh lũ Sông Hồng rơi vào tháng mấy?

Câu 9. Nhiệt độ nước biển ở vùng đới nóng ($28^{\circ}C$), gấp nhiệt độ nước biển ở đới ôn đới ($15^{\circ}C$) bao nhiêu lần? (làm tròn đến số thập phân thứ nhất)

Câu 10. Vùng chí tuyến, biển có độ mặn $36,8\%$, cao hơn vùng gần cực có độ mặn 34% là bao nhiêu %?

PHẦN IV. TỰ LUẬN

Câu 1. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa trên Trái Đất?

Câu 2. Trình bày thời gian hoạt động, nguồn gốc hình thành, hướng và tính chất của gió mùa.

Câu 3. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông.

Câu 4. Trình bày sự chuyển động của dòng biển trên các đại dương.

Câu 5. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố sinh vật.

Câu 6. Trình bày khái niệm, biểu hiện, ý nghĩa của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh.

Câu 7. Trình bày khái niệm, biểu hiện, ý nghĩa thực tiễn của quy luật phi địa đới

Thực hành

Dạng 1. Bài tập tính giờ và ngày

Dạng 2. Nhận xét biểu đồ một số kiểu khí hậu

Dạng 3. Phân tích bảng số liệu (nhiệt độ, chế độ nước sông).

=== HẾT ===